

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LUÔNG

Số: 209 /QĐ-THNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 6, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/V Điều chỉnh - Bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024
của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông Quận 6

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LUÔNG

Căn cứ Quyết định 1705/QĐ-UBND, ngày 22/5/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc thành lập trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông;

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng sư phạm ngày 23/5/2024 của toàn thể CB-GV-CNV trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông Quận 6.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung vào Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 Chương II Những quy định cụ thể, Khoản 2 Điều 14 Chi hoạt động chuyên môn. Khoản 2, 3, 4 Điều 24 Quy định định mức các khoản chi sự nghiệp, chi thỏa thuận với phụ huynh.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là nội dung điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông Quận 6.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 Những quy định của trường trước đây trái với nội dung Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng bộ phận của Trường Tiểu học Nguyễn Văn

Luông Quận 6 và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- Các bộ phận;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Chu Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LUÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024**

Của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông Quận 6

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 209/QĐ-THNVL ngày 24 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông Quận 6)*

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

*** Nội dung 1**

Điều 14: Chi hoạt động chuyên môn

2. Thu, chi cho hoạt động giảng dạy

2.2.2 Chi phụ cấp công tác quản lý gián tiếp của Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên trong toàn trường cho công tác giảng dạy; chi hoạt động phục vụ công tác dạy và học, quản lý các hoạt động chung của đơn vị:

→ Điều chỉnh, bổ sung:

+ Chi hỗ trợ cho giáo viên bộ môn giảng dạy số tiết vượt 200 giờ/năm: 35.000đồng/tiết vượt (áp dụng đối với môn học không có thu tiền)

→ Nội dung hoàn chỉnh

Điều 14: Chi hoạt động chuyên môn

2. Thu, chi cho hoạt động giảng dạy

2.2.2 Chi phụ cấp công tác quản lý gián tiếp của Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên trong toàn trường cho công tác giảng dạy; chi hoạt động phục vụ công tác dạy và học, quản lý các hoạt động chung của đơn vị:

- Thanh toán hợp đồng bên ngoài: hợp đồng theo nhu cầu thực tế và khả năng tài chính. Hiệu trưởng quyết định mức chi.

- Hỗ trợ báo cáo thuế thu nhập cá nhân năm: 1.000.000đ/người/năm.

- Hỗ trợ đi công tác, học tập, tập huấn, tham quan trong thành phố theo điều động của trường, quận, thành phố: 30.000đ/buổi/người Hoặc 50.000 đ/ngày/người.

- Chi nghiệp vụ khác, tùy tình hình thực tế phát sinh, cụ thể:



+ Hỗ trợ bồi dưỡng bảo vệ trực trường các ngày lễ, tết bình quân: 50.000đ/người/lần.

+ Hỗ trợ bồi dưỡng bảo vệ chăm sóc và tưới cây: 150.000đ/người/tháng.

+ Hỗ trợ bồi dưỡng cho nhân viên kiêm nhiệm công tác Thiết bị: 2.000.000 đồng/tháng (chỉ những tháng thực tế có học sinh học tại trường)

+ Chi bồi dưỡng cho ban kiểm kê tài sản cuối năm: 100.000đ/người/năm (các thành viên trong ban KK TSCĐ).

+ Chi hỗ trợ cho giáo viên bộ môn giảng dạy có số tiết vượt 200 giờ/năm: 35.000đồng/tiết vượt (áp dụng đối với môn học không có thu tiền).

+ Hỗ trợ bồi dưỡng chấm thi GV dạy giỏi, GVCN giỏi cấp trường: 30.000 đồng/tiết/người.

+ Hỗ trợ kinh phí tập luyện, thi đấu các hoạt động phong trào văn thể mỹ của học sinh: theo thực tế phong trào phát sinh

→ Tập luyện: GV: 30.000 đồng/buổi, 1 môn thi đấu ≤ 10 buổi

HS: 5.000 đồng/buổi, 1 môn thi đấu ≤ 10 buổi

→ Thi đấu: GV: 50.000 đồng/buổi

HS: 20.000 đồng/buổi

→ Tiền xe: Chi theo thực tế phát sinh.

+ Hỗ trợ kinh phí các hoạt các hội thi cấp trường, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: theo thực tế phong trào phát sinh, trên tinh thần tiết kiệm. Bình quân 2.000.000đ/lần.

+ Hỗ trợ bồi dưỡng báo cáo chuyên đề, dạy thao giảng:

→ Cấp trường: 80.000đ/người/lần

→ Cấp Cụm, Quận: 150.000đ/người/lần

+ Chi hỗ trợ duyệt đề KTĐK: Giữa kì: 200.000đ/người/lần; Cuối kì: 600.000đ/người/lần

+ Chi bồi dưỡng Ban giám khảo các hội thi, hội thao.... do trường tổ chức: 100.000đ/người/buổi.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện các băng tuyên truyền phát động chủ đề năm học, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, băng rôn các ngày lễ lớn, ngày lễ khai giảng, tổng kết năm học: theo nhu cầu thực tế phát sinh: theo nhu cầu thực tế phát sinh, trên tinh thần tiết kiệm tối đa 3.000.000 đ/lần.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban thanh tra nhân dân (theo Thông tư 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017): 100.000đ/người/lần (tính trên số lần kiểm tra tài chính có kế hoạch và chi theo thực tế phát sinh).

Lưu ý: Không hỗ trợ tham dự ở những địa điểm ngoài phạm vi Thành phố HCM.

Thời gian áp dụng: từ năm học 2023-2024

*** Nội dung 2**

Điều 24: Quy định định mức các khoản chi sự nghiệp, chi thỏa thuận với phụ huynh.

2. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các đề án.

→ **Điều chỉnh, bổ sung:**

- Từ nguồn thu Tổ chức dạy tin học theo đề án định hướng chuẩn quốc tế IC3 (khối 3,4):

- Trong 10% điều chỉnh mức chi:

+ Số còn lại chi hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm khối lớp 3, 4: định mức chi 150.000đ/người/tháng → điều chỉnh giảm 70.000đ/người/tháng.

→ **Nội dung hoàn chỉnh**

2. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các đề án.

- Từ nguồn thu Tổ chức dạy tin học theo đề án định hướng chuẩn quốc tế IC3 (khối 3,4):

- 2% Nộp thuế nhà nước theo qui định.

- 88% chi trả cho Công ty TNHH tư vấn và đào tạo Đại Dương theo hợp đồng số 021/HĐĐT23/ĐD-NVL ngày 21/8/2023.

- 10% chi:

+ Chi giáo viên tin học hỗ trợ quản lý phòng tin học: 300.000 đ/người/tháng x 2 người.

+ Số còn lại chi hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm khối lớp 3, 4: định mức chi 70.000đ/người/tháng

+ Chi hỗ trợ sửa chữa trang thiết bị, các hoạt động thường xuyên, thanh toán tiền điện, nước.

+ Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ theo quy định.

Thời gian áp dụng: từ tháng 01/2024

*** Nội dung 3**

3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú.

→ **Điều chỉnh, bổ sung:**

3.1.1 Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú: (244.000đ)

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, xóa bỏ → 5% đóng thuế GTGT theo quy định.

- Trích đóng Bảo hiểm cho bộ phận hợp đồng công nhật với trường gồm: bảo mẫu, cấp dưỡng. Tỷ lệ trích đóng Bảo hiểm là 32%: (Bảo hiểm xã hội 25,5%; Bảo hiểm y tế 4,5%; Bảo hiểm thất nghiệp: 2%), Hệ số, thời gian đóng bảo hiểm xã hội căn cứ vào hợp đồng lao động và thời gian hưởng lương thực tế.

- Số còn lại được qui đổi thành 100% và được chi như sau:

- 2% chi hỗ trợ và kinh phí hoạt động, điều chỉnh tăng → 6%

+ Tổ trưởng: 200.000đ/người/tháng; Tổ phó: 100.000đ/người/tháng;

+ Hỗ trợ phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho cấp dưỡng theo mức khoán: 300.000đ/người/tháng.

+ Chi hỗ trợ lương cho nhân viên Bảo mẫu có sĩ số học sinh bán trú < 32 học sinh: mức khoán 450.000đ/người/tháng.

+ Chi hỗ trợ khám thẻ xanh cho Bảo mẫu, cấp dưỡng bình quân 35.000đ/người/tháng

+ Chi hỗ trợ cho bảo mẫu các lớp làm công tác vệ sinh khử khuẩn lớp học, cấp dưỡng vệ sinh khử khuẩn bếp ăn, nhà ăn học kì 1 của năm học/ tổng số tiền phục vụ bán trú còn dư cuối năm tài chính.

- 90% chi lương bảo mẫu, cấp dưỡng, điều chỉnh giảm → 84%

+ Chi lương cấp dưỡng theo mức khoán, bình quân: 6.000.000đ /người/tháng

+ Số còn lại chia đều cho tất cả bảo mẫu (Theo thực tế thu sĩ số HS của từng lớp)

- 8% chi, điều chỉnh tăng → 10%

+ Số còn lại chi lương quản lý trực tiếp và gián tiếp theo hệ số như sau:

+ Hiệu trưởng: 1,1

+ Phó Hiệu trưởng: 1,0

+ Kế toán: 0,9

+ Thủ quỹ: 0,8

+ Văn thư, thư viện, y tế, nhân viên CNTT: 0,5.

+ Phụ trách Đội, bảo vệ, phục vụ: 0,45.

3.1.2 Nguồn thu vệ sinh phí: (20.000đ)

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, xóa bỏ → 5% đóng thuế GTGT theo quy định.

- 90% Thanh toán theo thực tế sử dụng, điều chỉnh tăng → 98%, trên tinh thần tiết kiệm. Chi như sau,

- Mua các dụng cụ, vật dụng, chất tẩy rửa phục vụ vệ sinh cho học sinh: định mức: **15.000.000đ/tháng.**

- . Giấy vệ sinh
- . Xà bông, dung dịch rửa tay, dung dịch tẩy rửa.
- . Thuốc diệt côn trùng.
- . Kem đánh răng, bàn chải đánh răng, khăn lau mặt.
- . Bao đựng rác, thùng đựng rác.
- . Gas hấp khăn, khay ăn.
- . Bao tay, cước, dụng cụ chà rửa để vệ sinh lớp, nhà vệ sinh.
- . Xà bông, dung dịch xả thơm khăn.
- . Nước lau sàn, nước lau kính.
- . Các dụng cụ có tính chất phục vụ vệ sinh cho học sinh.
- Tiền mua dung dịch tẩy, rửa nhà vệ sinh.

- **Đến cuối năm tài chính**, sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp khác theo quy định, phân chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) sẽ trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ khác theo quy định.

→ **Nội dung hoàn chỉnh**

3.1.1 Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú: (244.000đ)

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp
- Trích đóng Bảo hiểm cho bộ phận hợp đồng công nhật với trường gồm: bảo mẫu, cấp dưỡng. Tỷ lệ trích đóng Bảo hiểm là 32%: (Bảo hiểm xã hội 25,5%; Bảo hiểm y tế 4,5%; Bảo hiểm thất nghiệp: 2%), Hệ số, thời gian đóng bảo hiểm xã hội căn cứ vào hợp đồng lao động và thời gian hưởng lương thực tế.
- **Số còn lại được qui đổi thành 100% và được chi như sau:**
- 6% chi hỗ trợ và kinh phí hoạt động:
 - + Tổ trưởng: 200.000đ/người/tháng; Tổ phó: 100.000đ/người/tháng;
 - + Hỗ trợ phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho cấp dưỡng theo mức khoán: 300.000đ/người/tháng.
 - + Chi hỗ trợ lương cho nhân viên Bảo mẫu có sĩ số học sinh bán trú < 32 học sinh: mức khoán 450.000đ/người/tháng.

+ Chi hỗ trợ khám thẻ xanh cho Bảo mẫu, cấp dưỡng bình quân 35.000đ/người/tháng
 + Chi hỗ trợ cho bảo mẫu các lớp làm công tác vệ sinh khử khuẩn lớp học, cấp dưỡng vệ sinh khử khuẩn bếp ăn, nhà ăn học kì 1 của năm học/ tổng số tiền phục vụ bán trú còn dư cuối năm tài chính.

- 84% chi lương bảo mẫu, cấp dưỡng

+ Chi lương cấp dưỡng theo mức khoán, bình quân: 6.000.000đ /người/tháng

+ Số còn lại chia đều cho tất cả bảo mẫu (Theo thực tế thu sĩ số HS của từng lớp)

- 10% chi:

+ Số còn lại chi lương quản lý trực tiếp và gián tiếp theo hệ số như sau:

+ Hiệu trưởng: 1,1

+ Phó Hiệu trưởng: 1,0

+ Kế toán: 0,9

+ Thủ quỹ: 0,8

+ Văn thư, thư viện, y tế, nhân viên CNTT: 0,5.

+ Phụ trách Đội, bảo vệ, phục vụ: 0,45.

3.1.2 Nguồn thu vệ sinh phí: (20.000đ)

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

- 98% Thanh toán theo thực tế sử dụng, trên tinh thần tiết kiệm. Chi như sau:

- Mua các dụng cụ, vật dụng, chất tẩy rửa phục vụ vệ sinh cho học sinh: định mức: 15.000.000đ/tháng.

. Giấy vệ sinh

. Xà bông, dung dịch rửa tay, dung dịch tẩy rửa.

. Thuốc diệt côn trùng.

. Kem đánh răng, bàn chải đánh răng, khăn lau mặt.

. Bao đựng rác, thùng đựng rác.

. Gas hấp khăn, khay ăn.

. Bao tay, cốc, dụng cụ chà rửa để vệ sinh lớp, nhà vệ sinh.

. Xà bông, dung dịch xả thơm khăn.

. Nước lau sàn, nước lau kính.

. Các dụng cụ có tính chất phục vụ vệ sinh cho học sinh.

- Tiền mua dung dịch tẩy, rửa nhà vệ sinh.

- **Đến cuối năm tài chính**, sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) sẽ trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ khác theo quy định.

Thời gian áp dụng: từ tháng 01/2024

* **Nội dung 4**

→ **Điều chỉnh, bổ sung:**

3.2 Nguồn mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, xóa bỏ → 5% đóng thuế GTGT theo quy định.

→ **Nội dung hoàn chỉnh**

3.2 Nguồn mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Số còn lại dùng để chi mua sắm sửa chữa thay thế các đồ dùng phục vụ công tác bán trú, mua đồ dùng, vật dụng mau hỏng theo từng năm học. Khoản thu chi phục vụ công tác mua sắm, trang bị đồ dùng bán trú, không chi cho các khoản khác thanh toán cho cá nhân và phúc lợi tập thể. Cuối năm số còn lại chuyển năm sau sử dụng khi xác định còn phải mua thêm đồ dùng để sử dụng.

- **Đến cuối năm tài chính**, sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) sẽ trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ khác theo quy định.

Thời gian áp dụng: từ tháng 01/2024

* **Nội dung 5**

→ **Điều chỉnh, bổ sung:**

4. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

4.1 Tiền học phẩm

Xóa bỏ → 1% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 1% đóng thuế GTGT theo quy định.

- Chi mua phù hiệu: 6 cái/ 1 học sinh

- Chi mua túi đựng bài kiểm tra.

- Chi mua học bạ, bìa nhựa và bìa bao hồ sơ học sinh lớp 1.

- Chi pho to giấy làm bài kiểm tra.

4.2 Tiền ăn bán trú

Xóa bỏ → 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định

- Chi trả tiền mua thực phẩm: gạo, thịt, cá, trứng, các sản phẩm chế biến sẵn từ gạo, thịt, cá, trứng.
- Chi trả tiền mua rau, củ, quả, trái cây.
- Chi trả tiền mua thức ăn xé: sữa các loại, các sản phẩm chế biến từ sữa, bánh các loại, rau câu, kem, nước uống các loại.
- Chi trả tiền mua gia vị: nước mắm, nước tương, dầu ăn, dầu hào, muối, đường, bột nêm, bột ngọt, nước màu, tương ớt, tương cà, tiêu.
- Chi trả tiền gas nấu ăn.

4.3 Tiền nước uống tinh khiết

Xóa bỏ → 1% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 1% đóng thuế GTGT theo quy định.

- Chi trả mua nước uống hiệu IONLIFE (bình 19 lít) hàng ngày cho học sinh.

4.4. Tiền khám sức khỏe ban đầu, nha học đường

Xóa bỏ → 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 2% đóng thuế GTGT theo quy định.

4.4.1 Tiền khám sức khỏe ban đầu (20.000đ):

- Chi khám sức khỏe cho học sinh theo quy định của Bộ y tế : 20.000đ/học sinh.

4.4.2 Tiền nha học đường (30.000đ):

Xóa bỏ → 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 2% đóng thuế GTGT theo quy định.

- Chi thuê thực hiện công tác khám và chữa răng cho học sinh.
- 90% trả cho đối tác thực hiện công tác nha học đường theo hợp đồng làm việc phòng nha ngày số: 482/HĐGK ngày 01/9/2023.
- 6% hỗ trợ chi trả tiền điện, tiền nước, mua sắm tài sản phục vụ phòng nha học đường → điều chỉnh tăng 10 %

4.5. Tiền điện và bảo trì máy lạnh

Xóa bỏ → 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 2% đóng thuế GTGT theo quy định.

- 96% chi trả tiền điện sử dụng máy lạnh của các lớp học. Thời gian sử dụng máy lạnh ở các lớp: từ 10g00 đến 15g30. Tùy theo tình hình thời tiết có thể thay đổi thời gian sử dụng máy lạnh ở các lớp nhưng không quá 6h/ngày. → điều chỉnh tăng 100 %

- Chi thuê công ty bảo trì, vệ sinh máy lạnh của các lớp học: ít nhất 2 lần/năm.

- Chi sửa chữa, thay thế đường dây điện, hệ thống ống thoát nước của máy lạnh tại các lớp (nếu có)

4.6. Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Xóa bỏ → 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, 2% đóng thuế GTGT theo quy định.

- 96% còn lại chi phí thuê dịch vụ số liên lạc điện tử; dịch vụ tin nhắn SMS. -> điều chỉnh tăng 100 %

→ Nội dung hoàn chỉnh

4. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

4.1 Tiền học phẩm

- Chi mua phù hiệu: 6 cái/ 1 học sinh
- Chi mua túi đựng bài kiểm tra.
- Chi mua học bạ, bìa nhựa và bìa bao hồ sơ học sinh lớp 1.
- Chi pho to giấy làm bài kiểm tra.

4.2 Tiền ăn bán trú

- Chi trả tiền mua thực phẩm: gạo, thịt, cá, trứng, các sản phẩm chế biến sẵn từ gạo, thịt, cá, trứng.

- Chi trả tiền mua rau, củ, quả, trái cây.

- Chi trả tiền mua thức ăn xé: sữa các loại, các sản phẩm chế biến từ sữa, bánh các loại, rau câu, kem, nước uống các loại.

- Chi trả tiền mua gia vị: nước mắm, nước tương, dầu ăn, dầu hào, muối, đường, bột nêm, bột ngọt, nước màu, tương ớt, tương cà, tiêu.

- Chi trả tiền gas nấu ăn.

4.3 Tiền nước uống tinh khiết

- Chi trả mua nước uống hiệu IONLIFE (bình 19 lít) hàng ngày cho học sinh.

4.4. Tiền khám sức khỏe ban đầu, nha học đường

4.4.1 Tiền khám sức khỏe ban đầu (20.000đ):

- Chi khám sức khỏe cho học sinh theo quy định của Bộ y tế : 20.000đ/học sinh.

4.4.2 Tiền nha học đường (30.000đ):

- Chi thuê thực hiện công tác khám và chữa răng cho học sinh.
- 90% trả cho đối tác thực hiện công tác nha học đường theo hợp đồng làm việc phòng nha ngày số: 482/HĐGK ngày 01/9/2023.
- 10% hỗ trợ chi trả tiền điện, tiền nước, mua sắm tài sản phục vụ phòng nha học đường.

4.5. Tiền điện và bảo trì máy lạnh

- 100% chi trả tiền điện sử dụng máy lạnh của các lớp học. Thời gian sử dụng máy lạnh ở các lớp: từ 10g00 đến 15g30. Tùy theo tình hình thời tiết có thể thay đổi thời gian sử dụng máy lạnh ở các lớp nhưng không quá 6h/ngày.
- Chi thuê công ty bảo trì, vệ sinh máy lạnh của các lớp học: ít nhất 2 lần/năm.
- Chi sửa chữa, thay thế đường dây điện, hệ thống ống thoát nước của máy lạnh tại các lớp (nếu có)

4.6. Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

- 100% còn lại chi phí thuê dịch vụ số liên lạc điện tử; dịch vụ tin nhắn SMS.

Thời gian áp dụng: từ tháng 01/2024

Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận dân chủ trong tập thể Hội đồng sư phạm và được tập thể cán bộ, giáo viên biểu quyết thông qua tại buổi họp Hội đồng sư phạm và **có hiệu lực thi hành kể từ năm 2024**. Mọi quy định trước đây của trường trái với quy chế chi tiêu nội bộ này đều bãi bỏ.

HIỆU TRƯỞNG

Chu Thị Hương